

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 112/2024/HSST.
Ngày: 25/11/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hòa.

Bà Trần Thị Chính.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:** Ông Dương Thế Nam - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 96/2024/HSST ngày 18 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **211/2024/QĐXXST – HS ngày 24 tháng 10 năm 2024, đối với bị cáo:**

Họ và tên: Đặng Thị Ánh N, sinh năm 1976, tại tỉnh Khánh Hòa.

Nơi cư trú: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Số căn cước công dân: 056176001551; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Hữu Thắng (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Lan; chồng: Lê Viết Ph (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 1996; Tiền sự, Tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/5/2024 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1983. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bà Nguyễn Thị Mỹ D quen biết với bị cáo Đặng Thị Ánh N. Do cần vốn làm ăn, nên D nhiều lần vay tiền của N. Hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng /01ngày, tương đương với mức lãi suất

182,5%/01năm, đóng tiền lãi trước vào đầu kỳ. N sử dụng số điện thoại 0913....., đăng ký tài khoản Zalo “N” thỏa thuận hợp đồng cho vay với D qua tài khoản Zalo “D Bp” của D, đồng thời sử dụng số tài khoản “000.....” của N tại Ngân hàng Eximbank chuyển tiền cho vay và thu lãi qua số tài khoản “000.....” của D tại ngân hàng Mbbank. Từ ngày 03/12/2023 đến ngày 08/3/2023 hai bên đã xác lập các giao dịch vay cụ thể như sau:

- Ngày 03/12/2022 D vay của N số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 08/12/2022. Sau đó N chuyển tiền qua tài khoản của D số tiền 97.000.000 đồng, tức đã trừ 3.000.000 đồng tiền lãi trong 06 ngày. Đến hạn trả nợ D chưa trả được nên thỏa thuận gia hạn đến ngày 12/12/2024 (04 ngày) và D chuyển cho N 4.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó tiếp tục gia hạn đến ngày 16/12/2024 (04 ngày) và chuyển cho N 4.000.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 21/12/2022 D chuyển trả cho N 102.500.000 đồng (tức 100.000.000 đồng tiền gốc và 2.500.000 đồng là tiền lãi trong 05 ngày).

- Ngày 03/01/2023 D vay của N số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 06/01/2023. Sau đó N chuyển tiền qua tài khoản của D số tiền 98.000.000 đồng, tức đã trừ 2.000.000 đồng là tiền lãi trong 04 ngày. Đến hạn trả nợ D chưa trả được nên thỏa thuận gia hạn đến ngày 12/01/2023 (06 ngày) và chuyển cho N 3.000.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 15/01/2023 D chuyển khoản trả hết số tiền vay gốc nêu trên.

- Ngày 30/01/2023 D vay của N số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 03/02/2023. Sau đó N chuyển tiền qua tài khoản của D số tiền 975.000.000 đồng, tức đã trừ 25.000.000 đồng là tiền lãi trong 05 ngày. Tuy nhiên, ngày 31/01/2023 D có tiền trả nên đã chuyển cho N số tiền 985.000.000 đồng, nên chỉ xem là vay trong thời hạn 01 ngày với số tiền lãi 10.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại 15.000.000 đồng được trừ vào tiền vay gốc.

- Ngày 31/01/2023, D sử dụng tài khoản Zalo nhắn tin cho N hỏi vay số tiền 200.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 31/01/2023 đến 02/02/2023 thì N đồng ý và lấy số tiền lãi 03 ngày là 3.000.000 đồng. N chuyển số tiền 197.000.000 đồng cho D. Đến thời hạn ngày 02/02/2023 D xin gia hạn trả đến ngày 06/02/2023 và chuyển khoản số tiền 4.000.000 đồng là tiền lãi 04 ngày vào tài khoản của N. Ngày 06/02/2023 D chưa trả được nên xin gia hạn đến ngày 11/02/2023 và chuyển số tiền 5.000.000 đồng là tiền lãi 05 ngày cho N. Đến ngày 11/02/2023, D tiếp tục xin gia hạn trả đến ngày 16/02/2023 và chuyển số tiền 5.000.000 đồng tiền lãi trong 05 ngày. Đến ngày 16/02/2023, D xin gia hạn tiếp đến ngày 21/02/2023 và chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng là tiền lãi 05 ngày. Ngày 21/02/2023, D xin gia hạn đến ngày 26/02/2023 và chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng tiền lãi 05 ngày. Đến ngày 26/02/2023, D lại tiếp tục xin gia hạn trả đến ngày 08/3/2023 và chuyển khoản trả lãi số tiền 10.000.000đ là tiền lãi 10 ngày cho N. **Đến ngày 08/3/2023 D đã chuyển trả cho N số tiền 200.000.000 đồng.** Như vậy, từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/3/2023, N đã cho chị D vay số tiền 200.000.000 đồng với mức lãi xuất 182,5%/1 năm, thu tổng số tiền lãi là 37.000.000 đồng, trong đó xác định số tiền thu lợi bất chính là 32.945.205 đồng.

Ngày 22/4/2024, chị D làm đơn tố giác hành vi cho vay lãi nặng của N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B các lần cho vay nêu trên. Tuy

nhiên, các khoản vay ngày 03/12/2022, 03/01/2023 và ngày 30/01/2023 đều là khoản vay có thu lợi bất chính tổng cộng dưới 30.000.000 đồng, đến thời điểm làm đơn yêu cầu đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính. Chỉ còn khoản vay ngày 31/01/2023 có thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng, thuộc trường hợp truy cứu trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động sử dụng vào việc phạm tội và nộp lại số tiền 40.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 100/CT – VKS, ngày 18/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Đặng Thị Ánh N về Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát tuy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo số tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; buộc bị cáo nộp lại số tiền 200.000.000 đồng dùng vào việc phạm tội và khoản lãi suất cao nhất theo quy định bộ luật dân sự đã thu; Trả lại cho bà D số tiền 32.945.205 đồng tiền lãi. Tịch thu 01 điện thoại dùng vào việc phạm tội; buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến khiếu nại về thủ tục tố tụng, vật chứng vụ án; không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo ăn năn hối hận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong thời gian Tòa án thụ lý và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày: Bà vay của bị cáo N rất nhiều khoản vay và không nhớ chi tiết từng khoản. Trước khi cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thụ lý hồ sơ ngày 22/4/2024 thì bà gửi đơn đến nhiều cơ quan trên tỉnh Bình Phước để xử lý hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo N, trong đó có các khoản vay gồm: 2.000.000.000 đồng ngày 21/6/2023; 2.000.000.000 đồng ngày 30/6/2023 và 500.000.000 đồng ngày 01/7/2023. Sau đó được các cơ quan chuyển đơn về cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B giải quyết. Quá trình làm việc bà và bị cáo N đã có thời gian đối chiếu lại các khoản vay nêu trên và xác định có liên quan đến nhiều khoản vay khác hơn 17.000.000.000 đồng nên các bên đã tự nguyện lập biên bản với nhau về số tiền mà bà còn nợ lại của bị cáo là 4.200.000.000 đồng. Sau khi tự thương lượng không yêu cầu giải quyết các khoản nêu trên thì bà mới yêu cầu xem xét xử lý các khoản vay như đơn tố cáo hiện nay. Đồng thời ngày 22/4/2024 bà đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B làm đơn yêu cầu xử lý và được lập biên bản theo quy định xử lý. Vì vậy, hiện nay bà thống nhất với nội dung cáo trạng như Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến yêu cầu xem xét xử lý về các khoản đã hết thời hiệu

xử lý vi phạm hành chính và các vấn đề khác, không có ý kiến yêu cầu xử lý khoản vay nào khác. Đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Thủ tục tố tụng: Về tài liệu tiếp nhận đơn nguồn tin tội phạm, ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tẩy xóa về ngày tháng tiếp nhận mà không có sự xác nhận của người tham gia làm việc là có thiếu sót. Tuy nhiên, tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác nhận nội dung tẩy xóa ngày tháng về ngày tháng là đúng và không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì về hành vi nêu trên, nên xác định không ảnh hưởng nghiêm trọng đến giải quyết vụ việc. Tuy nhiên, cũng cần kiến nghị các cơ quan tiến hành tố tụng rút kinh nghiệm cho quá trình thực hiện về sau. Quá trình giải quyết hồ sơ vụ án thể hiện quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngày 31/01/2023 bị cáo Đặng Thị Ánh N có hành vi cho bà Nguyễn Thị Mỹ D vay số tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng /01 ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/01năm. Kể từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/3/2023 N đã thu tổng số tiền lãi là 37.000.000 đồng của khoản vay nêu trên, xác định thu lợi bất chính số tiền 32.945.205 đồng.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo Đặng Thị Ánh N nêu trên đủ yếu tố cấu thành Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Tại thời điểm phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được là vi phạm pháp luật, nhưng vì lợi nhuận nên cố ý thực hiện nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi đã thực hiện.

Đối với các hành vi cho vay ngày 03/12/2022, 03/01/2023 và 30/01/2023 có tổng thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng, tại thời điểm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu xử lý thì đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành

chính, không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, hiện nay không ai yêu cầu xem xét xử lý thêm nên không xem xét xử lý thêm.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện khắc phục hậu quả, trước khi phạm tội có nhân thân tốt và gia đình bị cáo có công với các mạng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại Điều luật thì ngoài hình phạt chính thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo làm nghề tự do, không có thu nhập cụ thể nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Biện pháp tư pháp:

01 điện thoại, số tiền 200.000.000 đồng của bị cáo dùng vào việc phạm tội và số tiền lãi mà bị cáo đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo mức lãi suất quy định của bộ luật dân sự, cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Cần buộc bị cáo trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mỹ D số tiền lãi đã thu lợi bất chính 32.945.205 đồng.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Ánh N phạm Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đặng Thị Ánh N số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mỹ D số tiền lãi thu lợi bất chính là 32.945.205 đồng. Được trừ vào số tiền 40.000.000 đồng bị cáo đã nộp trước theo biên lai thu tiền số 0004597 ngày 01/10/2024, số tiền còn lại sau khi trừ là 7.054.795 đồng. Chi Cục thi hành án dân sự huyện B có trách nhiệm giao số tiền nêu trên cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mỹ D theo quy định.

Tịch thu thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động VIVO 1820 màu đỏ (theo biên bản giao nhận vật chứng số 0010187 ngày 01/11/2024).

Buộc bị cáo Đặng Thị Ánh N nộp lại số tiền tương ứng với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật dân sự đã thu của người vay là 4.054.795 đồng.

Buộc bị cáo Đặng Thị Ánh N nộp lại số tiền dùng vào việc phạm tội là 200.000.000 đồng. Được trừ vào số tiền còn lại 7.054.795 đồng theo biên lai thu tiền số 0004597 ngày 01/10/2024 (sau khi đã trừ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mỹ D nêu trên). Tổng cộng số tiền còn phải nộp lại là 197.450.180 đồng.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đặng Thị Ánh N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình